TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 73/2024/QĐST-DS	*G, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào T1y đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Văn Đắc T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị M sinh năm 1963; cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Văn Đắc T số tiền 106.340.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền vốn: 66.500.000đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

- Tiền lãi: 39.840.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án (106.340.000đ x 2,5%):

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 2.658.500đ (hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên do ông T1, bà M thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp số tiền 1.329.250đ (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng). Do đó, ông T1, bà M phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí còn lại là 1.329.250đ (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G trả lại cho ông Văn Đắc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.074.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004775 ngày 13/3/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCT1DS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên